

Bản án số: 19/2023/HS-ST
Ngày 19/9/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN QUÂN SỰ KHU VỰC THỦ ĐÔ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử (HĐXX) sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: 4/ Nguyễn Thị Mai.

Các Hội thẩm quân nhân: 1// Trần Đình Biên;

4/ Trần Phạm Mai Linh.

Thư ký phiên tòa: 2/ Ngô Anh Dũng, Thư ký Tòa án quân sự Khu vực Thủ đô Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát quân sự khu vực Thủ đô Hà Nội tham gia phiên tòa: 2// Lê Duy Trinh, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2023 tại Phòng xử án Tòa án quân sự khu vực Thủ đô Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 14/2023/TLST- HS ngày 27 tháng 7 năm 2023 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2023/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 9 năm 2023, đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Tuấn A**; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày: 20 tháng 01 năm 1995 tại N; nơi cư trú: Xóm 1, xã N1, huyện N2, tỉnh N; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 9; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H và bà Hoàng Thị T; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: không có án tích, chưa bị xử lý hành chính hay xử lý kỷ luật lần nào; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/4/2023 đến ngày 21/4/2023, tạm giam từ ngày 21/4/2023 đến nay; hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam, Trại tạm giam T771, Cục Điều tra hình sự/BQP; có mặt;

2. **Nguyễn Xuân C**; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày: 14 tháng 5 năm 1995 tại M; nơi cư trú: Tổ 5, phường M1, thành phố M2, tỉnh M; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn P và bà Lê Thị Nguyệt P1; có vợ là Phạm Thùy P2 và 01 con sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: không có án tích, chưa bị xử lý hành chính hay xử lý kỷ luật lần nào; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/4/2023 đến ngày 21/4/2023; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt;

- **Bị hại:** Tăng Vũ Ngọc K, sinh ngày 12/02/2004; nghề nghiệp: Sinh viên; nơi cư trú: Tổ dân phố 12, phường Q1, quận Q, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền của bị hại Tăng Vũ Ngọc K: Chị Vũ Thị Thu E, sinh năm: 1977; nghề nghiệp: Bộ đội; nơi cư trú: Tổ dân phố 12, phường Q1, quận Q, Thành phố Hà Nội; có mặt;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Nguyễn Văn H, sinh năm: 1974; nghề nghiệp: Lao động tự do; nơi cư trú: xã N1, huyện N2, tỉnh N; có mặt;

2. Phạm Thùy P2, sinh năm: 2001; nghề nghiệp: Lao động tự do; nơi cư trú: Tổ 5, phường M1, Thành phố M2, tỉnh M; có mặt;

- *Người làm chứng:*

1. Nguyễn Cao L; vắng mặt;
2. Nguyễn Văn L1; có mặt;
3. Nguyễn Thị L2; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 11/4/2023, lực lượng tuần tra, canh gác của Học viện B/Bộ Quốc phòng (Địa chỉ: 124 đường Q2, quận Q, Thành phố Hà Nội) phát hiện Nguyễn Tuấn A đi lại trong khuôn viên của Học viện có biểu hiện nghi vấn nên đã tiến hành kiểm tra nhưng A không xuất trình được giấy tờ tùy thân, giấy ra vào nên Học viện đã trình báo Cơ quan điều tra hình sự khu vực 1 các Tổ chức sự nghiệp/BQP. Quá trình làm việc với Cơ quan điều tra, Nguyễn Tuấn A đã tự khai nhận về hành vi trộm cắp tài sản trước đó của mình như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 31/3/2023, Nguyễn Tuấn A bắt xe Grab từ công trường xây dựng Y đến Học viện B/BQP. Khi đi đến nơi, A đi bộ qua Cổng số 1 đến khu vực nhà xe Nhà công vụ 10 tầng của Học viện. Tại đây, A thấy 01 xe mô tô Honda Vision BKS: 29T2-162.xx của anh Tăng Vũ Ngọc K vẫn còn mới, không có ai bảo vệ, trông coi nên đã lén lút dắt bộ xe mô tô trên từ nhà xe đi qua Cổng số 1 của Học viện ra ngoài. Sau khi trộm cắp tài sản xong, A sử dụng điện thoại di động Iphone 6s của mình liên hệ với Nguyễn Xuân C qua ứng dụng Facebook Messenger để trao đổi, thỏa thuận việc mua bán xe mô tô trên với giá 13.700.000 đồng.

Khi giao dịch mua xe, C biết xe mô tô Honda Vision BKS: 29T2-162.xx không có giấy tờ, không rõ nguồn gốc, xe còn mới giá rẻ nhưng vẫn đồng ý mua và không làm giấy tờ mua bán xe. C yêu cầu A mang xe đến cửa hàng tóc R (Địa chỉ: số 22, ngõ 50 đường D, phường D1, quận D2, Thành phố Hà Nội) để giao xe. Do đang ở tỉnh M nên liên hệ Nguyễn Văn L1 (sinh năm: 1998, HKTT: Thôn S2, xã S1, huyện S, tỉnh M) là chủ cửa hàng tóc R nhờ L1 nhận xe hộ nhưng L1 có việc bận nên đã nhờ Nguyễn Thị L2 (sinh năm: 2000, HKTT: Khu 3, xã V2, huyện V1, tỉnh V) là nhân viên của cửa hàng nhận xe giúp C. Sau đó, A dắt xe mô tô trộm cắp được đến đầu cầu Q3, phường Q1, quận Q, Thành phố Hà Nội và vào mạng tìm thợ khóa xe là Nguyễn Cao L (sinh năm: 1986; HKTT: Thôn G2, xã G1, huyện G, Thành phố Hà Nội) để làm chìa smartkey mở khóa xe mô tô với giá 1.200.000 đồng. Sau khi có chìa khóa, A điều khiển xe mô tô Honda Vision BKS: 29T2-162.xx đến giao xe và chìa khóa xe cho Nguyễn Thị L2.

Sau khi biết A đã giao xe, C sử dụng điện thoại di động Iphone XSMAX chuyển khoản số tiền 13.700.000 đồng từ tài khoản ngân hàng số 190380203360xx của ngân hàng Techcombank mang tên Phạm Thùy P2 (là vợ của C) đến tài khoản ngân hàng số 08783970xx của ngân hàng MBBank mang tên Nguyễn Tuấn A như thỏa thuận. Đến 18 giờ cùng ngày, C đến cửa hàng tóc R để nhận xe rồi điều khiển xe trở về nhà. Đến khoảng 10 giờ 16 phút ngày

01/4/2023, A nhắn tin cho C với nội dung “tháo biển xe Vision ra”, C hỏi A “xe nhảy à” nhưng C không tháo biển xe hay trình báo với cơ quan công an. Ngày 02/4/2023, C đem bán xe mô tô trên cho người có tài khoản Facebook “Bien so xe Vu” được 14.900.000 đồng tại khu vực O, C được hưởng số tiền chênh lệch từ việc mua, bán xe là 1.200.000 đồng và đã chi tiêu cá nhân hết. Đến ngày 12/4/2023, C đến trụ sở Cơ quan điều tra để đầu thú về hành vi phạm tội của bản thân. Theo kết luận định giá tài sản, xe mô tô Honda Vision, BKS: 29T2-162.xx trị giá 32.000.000 đồng.

Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Tuấn A và Nguyễn Xuân C thừa nhận hành vi như nội dung vụ án đã nêu trên.

Người làm chứng Nguyễn Cao L khai trong quá trình điều tra: Khoảng 13 giờ 10 phút ngày 31/3/2023, anh L nhận được cuộc gọi của 01 nam thanh niên từ số điện thoại 0878.397.0xx với nội dung “Em cần làm lại chìa khóa xe máy của em, anh làm giúp em được không?” thì anh L đồng ý. Sau đó, nam thanh niên nhắn anh L đến ngõ 5 đường Q5, quận Q, TP Hà Nội để làm chìa khóa xe. Khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, anh L đến địa chỉ nêu trên và làm chìa khóa xe cho người này, qua quan sát anh L thấy xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu xanh đen, đã qua sử dụng và không nhớ rõ biển số xe; còn nam thanh niên cao khoảng 1m6, mặc quần bò, đi dép lê, áo khoác màu xanh tím than, đeo khẩu trang. Sau khi làm xong chìa khóa, người thanh niên đã thanh toán tiền công làm chìa khóa cho anh L là 1.200.000 đồng tiền mặt rồi anh L ra về.

Những người làm chứng Nguyễn Văn L1, Nguyễn Thị L2 khai: Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 31/3/2023, anh L1 nhận được cuộc gọi từ số điện thoại 0762.090.8xx của Nguyễn Xuân C với nội dung: “Cho anh gửi nhờ xe ở cửa hàng nhé” thì L1 đồng ý. Do lúc này không có mặt ở cửa hàng nên L1 đã liên hệ L2 là nhân viên của cửa hàng với nội dung: “Có ai gửi xe cho anh C thì cứ cho họ để nhờ” thì L2 đồng ý. Sau đó, có 01 nam thanh niên, dáng người gầy, cao khoảng 1m65, đội mũ bảo hiểm, mặc áo khoác tối màu, quần bò, đi dép lê đi xe mô tô đến cửa hàng cắt tóc R tại địa chỉ số 22 ngõ 50 đường D, phường D1, quận D2, TP Hà Nội và nói với L2 “Gửi xe cho anh C” rồi người này dựng xe trước cửa quán và đưa chìa khóa cho L2. Sau đó, C đến gặp L2 để lấy chìa khóa xe và điều khiển xe đi.

Đại diện theo ủy quyền của bị hại Tăng Vũ Ngọc K – chị Vũ Thị Thu E khai tại phiên tòa: Khoảng 13 giờ 15 phút ngày 31/3/2023, khi đang ở nhà tại phòng 501, nhà công vụ 10 tầng, Học viện B/BQP thì K nói không thấy xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision BKS: 29T2 – 162.xx ở dưới nhà xe. Sau đó chị E và K đi xuống khu vực nhà để xe để tìm kiếm xe nhưng không thấy nên chị E đã báo cho lực lượng an ninh của tòa nhà; qua kiểm tra camera tại khu vực nhà để xe phát hiện khoảng 12 giờ 38 phút ngày 31/3/2023 có 01 nam thanh niên đeo khẩu trang, người gầy, cao khoảng 1m65, mặc quần bò, áo khoác tối màu, đi dép lê đã trộm cắp tài sản trên. Đến ngày 11/4/2023, Học viện B thông báo đã bắt giữ được đối tượng trộm cắp xe mô tô BKS: 29T2 – 162.xx. Chiếc xe trên là gia đình chị E mua cho K để phục vụ đi lại, sinh hoạt hàng ngày; xe đăng ký chính chủ mang tên Tăng Vũ Ngọc K. Hiện nay, gia đình bị cáo A đã bồi thường số tiền 25.000.000 đồng, Nguyễn Xuân C đã bồi thường 7.000.000 đồng nên gia đình chị E không có

yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Phạm Thùy P2 khai tại phiên tòa: Ngày 31/3/2023 do điện thoại di động của C bị hư hỏng nên P2 cho C mượn 01 điện thoại Iphone XSMax để sử dụng. Sau đó, C gọi cho P2 để lấy mã OTP và nói với P2 là sử dụng tiền trong tài khoản của P2 để mua xe mô tô. C đã sử dụng tài khoản số 190380203360xx của ngân hàng Techcombank, chủ tài khoản Phạm Thùy P2 để chuyển số tiền 13.700.000 đồng đến tài khoản số 08783970xx, chủ tài khoản Nguyễn Tuấn A của ngân hàng MBBank. P2 không biết C sử dụng điện thoại Iphone XSMax và số tiền trên để thỏa thuận, mua bán và thanh toán tiền mua tài sản trộm cắp. P2 không yêu cầu C phải hoàn trả lại số tiền 13.700.000 đồng và hiện đã nhận lại chiếc điện thoại Iphone XSMax nên không có yêu cầu gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Văn H khai tại phiên tòa: Ông H đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại Tăng Vũ Ngọc K số tiền 25.000.000 đồng thay cho bị cáo Nguyễn Tuấn A, ông không yêu cầu A phải hoàn trả số tiền trên.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 69/KL-HĐĐGTS ngày 12/4/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự của UBND quận Q, TP Hà Nội kết luận: Giá trị tài sản 01 (một) xe máy nhãn hiệu Honda Vision, BKS: 29T2-162.xx, màu xanh nâu đen, đã qua sử dụng; số máy: JK03E2600984, số khung: RLHJK0314NY596631 là: 32.000.000 đồng.

Biên bản kiểm tra camera thu được tại cổng số 1, Học viện B/BQP vào ngày 31/3/2023 do Cơ quan điều tra hình sự khu vực 1 các Tổ chức sự nghiệp/BQP lập hồi 16 giờ ngày 13/4/2023 thể hiện: Thời gian hiển thị trên camera từ 12 giờ 27 phút 55 giây đến 12 giờ 28 phút 38 giây ghi nhận: 01 nam thanh niên, dáng người gầy, cao khoảng 1m65, đội mũ bảo hiểm, mặc áo khoác màu xanh than, mặc quần bò, đi dép lê, dắt 01 xe mô tô, nhãn hiệu Honda Vision đi theo đường nội bộ đến cổng số 1 đi ra ngoài. Nguyễn Tuấn A xác nhận: Nam thanh niên có đặc điểm như trên dắt xe ra khỏi cổng số 1 mà camera ghi lại được là Nguyễn Tuấn A.

Tại các biên bản kiểm tra điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XSMax do Nguyễn Xuân C giao nộp được Cơ quan điều tra hình sự khu vực 1 các Tổ chức sự nghiệp/BQP lập hồi 15 giờ 30 phút và 16 giờ 35 phút ngày 13/4/2023 thể hiện: Tại ứng dụng Messenger có nội dung tin nhắn trò chuyện giữa tài khoản facebook mang tên “Nguyễn Chiến” của Nguyễn Xuân C với tài khoản facebook mang tên “Đức Nguyễn” của Nguyễn Tuấn A bắt đầu từ 12 giờ 38 phút ngày 31/3/2023 đến 10 giờ 16 phút ngày 01/4/2023, Nguyễn Xuân C và Nguyễn Tuấn A xác nhận: Tin nhắn trên máy là nội dung trao đổi, thỏa thuận việc mua bán xe mô tô BKS: 29T2-162.xx. Tin nhắn trò chuyện giữa tài khoản facebook “Nguyễn Chiến” với tài khoản facebook mang tên “Bien so xe Vu” bắt đầu từ 17 giờ 57 phút ngày 31/3/2023 đến 20 giờ 48 phút ngày 02/4/2023, Nguyễn Xuân C xác nhận: Tin nhắn trên máy là nội dung trao đổi, thỏa thuận việc mua bán xe mô tô BKS: 29T2-162.xx của C với tài khoản facebook mang tên “Bien so xe Vu”.

Bản giao dịch chuyển khoản từ tài khoản số 190380203360xx của ngân hàng Techcombank mang tên Phạm Thùy P2 đến tài khoản số 08783970xx của

Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) mang tên Nguyễn Tuấn A hồi 14 giờ 20 phút và 19 giờ 34 phút ngày 31/3/2023 tổng số tiền là 13.700.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số: 392/CT-VKSKVTD ngày 27/7/2023, Viện kiểm sát quân sự Khu vực Thủ đô Hà Nội truy tố các bị cáo: Nguyễn Tuấn A về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173; Nguyễn Xuân C về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung quyết định truy tố đối với các bị cáo: Nguyễn Tuấn A về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173; Nguyễn Xuân C về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Trên cơ sở phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, hậu quả vụ án, điều kiện, nguyên nhân phạm tội, nhân thân của các bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị HĐXX:

Về hình sự: Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn A từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 18 đến 24 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Nguyễn Tuấn A cho Ủy ban nhân dân xã N1, huyện N2, tỉnh N giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân C từ 12 đến 15 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 24 đến 30 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Nguyễn Xuân C cho Ủy ban nhân dân phường M1, thành phố M2, tỉnh M giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Về biện pháp tư pháp: Đề nghị HĐXX ghi nhận các bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho anh Tăng Vũ Ngọc K số tiền 32.000.000 đồng, bị hại không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm. Ghi nhận bị cáo Nguyễn Xuân C đã nộp số tiền 1.200.000 đồng tiền thu lời bất chính từ việc bán xe mô tô BKS: 29T2-162.xx.

Đề nghị ghi nhận ông Nguyễn Văn H không yêu cầu bị cáo Nguyễn Tuấn A phải hoàn trả số tiền 25.000.000 đồng, chị Phạm Thùy P2 không yêu cầu bị cáo Nguyễn Xuân C phải hoàn trả số tiền 13.700.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị ghi nhận Tòa án quân sự khu vực Thủ đô Hà Nội đã trả lại 01 điện thoại Iphone XSMAX màu vàng, số IMEI: 357329091780157, số máy: MT762ZA/A, số sê - ri: C39XD7HBKPI5, số trên vỏ sim: 8401230212005305; 898402000; 11454820497 cho chủ sở hữu là chị Phạm Thùy P2.

Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước đối với 01 (một) điện thoại Iphone 6s màu hồng, số IMEI: 353259071972447, số máy: MKQD2LL/A, số sê - ri: C7JQJ480GRY0 đã qua sử dụng của Nguyễn Tuấn A do đây là công cụ, phương tiện phạm tội.

Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự, tịch thu tiêu hủy 01 xác sim điện thoại số 08783970xx, số trên vỏ sim: 898408100; 08720008115 kèm theo điện thoại Iphone 6s nêu trên do không còn giá trị sử dụng.

Về án phí: Đề nghị áp dụng khoản 2 các Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, các bị cáo Nguyễn Tuấn A và Nguyễn Xuân C mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Tuấn A đồng ý với các nội dung luận tội của Kiểm sát viên và không bào chữa gì thêm.

Bị cáo Nguyễn Xuân C đồng ý với các nội dung luận tội khác của Kiểm sát viên nhưng không nhất trí với quan điểm xác định bị cáo khi trao đổi thỏa thuận với Tuấn A thì bị cáo đã biết đó là tài sản trộm cắp mà vẫn đồng ý mua. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị cáo đã rất thành khẩn khai báo nên đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

Chị Vũ Thị Thu E đồng ý với các nội dung luận tội của Kiểm sát viên và giữ nguyên quan điểm xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Về dân sự, gia đình chị đã nhận đủ số tiền 32.000.000 đồng và không có yêu cầu gì thêm.

Ông Nguyễn Văn H đồng ý với bản luận tội của Kiểm sát viên, không yêu cầu bị cáo Nguyễn Tuấn A phải hoàn trả số tiền 25.000.000 đồng.

Chị Phạm Thùy P2 đồng ý với bản luận tội của Kiểm sát viên, không yêu cầu bị cáo Nguyễn Xuân C phải hoàn trả số tiền 13.700.000 đồng; hiện đã nhận lại chiếc điện thoại Iphone XSMAX và không có yêu cầu gì thêm. Đối đáp với ý kiến của bị cáo Nguyễn Xuân C, đại diện Viện kiểm sát cho rằng: Khi bị cáo trao đổi với Tuấn A về việc mua bán xe mô tô Honda Vision BKS: 29T2 – 162.xx, bị cáo hoàn toàn nhận thức được việc xe này là xe không có giấy tờ, không rõ nguồn gốc, xe còn mới giá rẻ có thể là tài sản trộm cắp. Theo quy định, việc mua bán xe phải làm hợp đồng hoặc có giấy tờ mua bán và xe phải được đăng ký, xác nhận của cơ quan có thẩm quyền. Bị cáo biết đây là hành vi vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện; tại phiên tòa hôm nay bị cáo vẫn quanh co, không thành khẩn thừa nhận hành vi của mình nên không có cơ sở chấp nhận ý kiến của bị cáo.

Lời nói sau cùng, các bị cáo nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật và ăn năn hối cải về hành vi của mình. Đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra hình sự khu vực 1 Các tổ chức sự nghiệp/BQP, Điều tra viên; Viện kiểm sát quân sự khu vực Thủ đô Hà Nội, Kiểm sát viên được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại, đại diện theo ủy quyền của bị hại và người tham gia tố tụng khác trong vụ án không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan, người tiến hành tố tụng. Như vậy, có cơ sở khẳng định các hành vi, quyết định của cơ quan và người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Tuấn A thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa. Bị cáo Nguyễn Xuân C thừa nhận hành vi phạm tội của mình nhưng bị cáo đề nghị HĐXX xem xét việc bị cáo đã thành khẩn khai báo và khi trao đổi, thỏa thuận mua xe của A thì bị cáo không biết đó là tài sản do phạm tội mà có, đến khi A nhắn tin với nội dung “Tháo biển xe Vision ra” thì bị cáo mới biết đó là xe do A trộm cắp được.

Căn cứ vào diễn biến của các tình tiết vụ án, chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được điều tra làm rõ tại phiên tòa, HĐXX thấy rằng có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 31/3/2023, Nguyễn Tuấn A đi bộ qua cổng số 1 đến khu vực nhà để xe tại tầng 1 Nhà công vụ 10 tầng, Học viện B/BQP. Tại đây, A đã lén lút dắt trộm 01 xe mô tô Honda Vision BKS: 29T2-162.xx của anh Tăng Vũ Ngọc K từ nhà để xe đi qua cổng số 1 của Học viện ra ngoài. Sau đó, A sử dụng điện thoại di động Iphone 6s của mình liên hệ bán xe mô tô vừa trộm cắp được cho Nguyễn Xuân C với giá 13.700.000 đồng. Tại thời điểm bị chiếm đoạt, xe mô tô Honda Vision BKS: 29T2-162.76 trị giá 32.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo Nguyễn Tuấn A đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Đối với Nguyễn Xuân C, tại Biên bản kiểm tra điện thoại Iphone XSMax ngày 13/4/2023 do Nguyễn Xuân C giao nộp có nội dung tin nhắn trao đổi giữa A và C, thể hiện: Quá trình giao dịch mua xe vào ngày 31/3/2023, cả hai bị cáo đều không trao đổi về nguồn gốc xe mô tô Honda Vision BKS: 29T2-162.xx mà chỉ thỏa thuận về giá mua, bán xe. Đến ngày 01/4/2023, A nhắn tin cho C với nội dung “tháo biển xe Vision ra” thì C hỏi lại A với nội dung “xe nhay (xe nháy) à?” thì lúc này C biết đây là tài sản do phạm tội mà có nhưng bị cáo không trình báo với cơ quan công an mà đến ngày 02/4/2023, C đem bán xe mô tô trên cho đối tượng có tài khoản Facebook mang tên “Bien so xe Vu” được 14.900.000 đồng nên có cơ sở chấp nhận ý kiến của bị cáo C về việc khi trao đổi thỏa thuận mua bán xe với A thì C chưa biết đó là tài sản trộm cắp nhưng sau khi biết rõ đó là tài sản do phạm tội mà có thì bị cáo lại bán xe mô tô đi. Như vậy, hành vi của Nguyễn Xuân C đã cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự. Do đó, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh đối với các bị cáo là có căn cứ.

[3] Tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, xâm phạm trật tự công cộng, an toàn xã hội nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi phạm tội của mình đã gây ra.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo:

Đối với bị cáo Nguyễn Tuấn A: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị cáo A đã thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải; đã nhờ gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại K thay cho bị cáo số tiền 25.000.000 đồng. Ngày 11/4/2023, trong quá trình làm việc với cơ quan điều tra bị cáo đã tự khai ra hành vi phạm tội của mình nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ

trách nhiệm hình sự “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”, “Người phạm tội tự thú”; “Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại” quy định tại các điểm s, r, b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. HĐXX thấy, ngoài hành vi phạm tội này bị cáo chưa phạm tội lần nào, tính chất và hành vi phạm tội của bị cáo là ít nghiêm trọng nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, đại diện theo ủy quyền của bị hại Tăng Vũ Ngọc K xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Nguyễn Xuân C: Tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; ngoài hành vi phạm tội này bị cáo chưa phạm tội lần nào, hành vi của bị cáo là ít nghiêm trọng; số tiền bị cáo thu lời bất chính trong vụ án không lớn nên HĐXX thấy cần cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” và “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” quy định tại các điểm s, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, ngày 12/4/2023, bị cáo đã ra đầu thú về hành vi phạm tội của mình; ngày 24/8/2023, bị cáo đã tự nguyện nộp lại số tiền 1.200.000 đồng được hưởng lợi từ hành vi phạm tội nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét thấy, trong vụ án này, khi trộm cắp xe mô tô Honda Vision BKS: 29T2-162.xx, Nguyễn Tuấn A thực hiện hành vi một mình, không có đồng phạm về tội “Trộm cắp tài sản” nên A phải chịu trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại; bị cáo Nguyễn Xuân C bị truy tố, xét xử về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” nên chỉ xâm phạm đến trật tự công cộng, không xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại nên C không có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại nhưng bị cáo C đã tự nguyện bồi thường cho bị hại K số tiền 7.000.000 đồng để khắc phục hậu quả của vụ án nên bị cáo chỉ được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, không có cơ sở chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị cho bị cáo C được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cũng như ý kiến của đại diện theo ủy quyền của bị hại K xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo C là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, xem xét hoàn cảnh bị cáo phải nuôi con nhỏ nên HĐXX sẽ cân nhắc khi quyết định hình phạt đối với bị cáo C.

Xét thấy, mặc dù có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, tại Biên bản xác minh về nơi cư trú ngày 18/4/2023 do Công an xã N1 cung cấp, thể hiện: Mặc dù bị cáo Nguyễn Tuấn A có đăng ký hộ khẩu thường trú ở xã N1, huyện N2, tỉnh N nhưng bị cáo thường xuyên không có mặt tại địa phương trong thời gian dài. Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận là lao động tự do, thường xuyên thay đổi chỗ ở, nơi làm việc; không đăng ký thường trú, tạm trú ở những nơi bị cáo sinh sống, làm việc nên theo quy định của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân

tối cao hướng dẫn Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo thì bị cáo không có nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy, không chấp nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc cho bị cáo được hưởng án treo. Cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và đảm bảo phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo Nguyễn Xuân C: Xét thấy bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, chưa có tiền án, tiền sự; số tiền được hưởng lợi từ hành vi phạm tội không lớn; tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là ít nghiêm trọng, gây nguy hại không lớn cho xã hội, bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả của vụ án và nộp lại số tiền thu lời bất chính trong vụ án, thể hiện thái độ ăn năn hối cải của mình nên mức hình phạt như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc nên HĐXX sẽ xem xét khi quyết định hình phạt. Ngoài ra, theo quy định của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo thì bị cáo đủ điều kiện được hưởng án treo. Vì vậy, xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội mà áp dụng khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự, cho bị cáo được hưởng án treo, buộc bị cáo phải chịu thời gian thử thách theo quy định của pháp luật, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa cũng đủ điều kiện cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và đảm bảo phòng ngừa chung cũng như thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 5 các Điều 173, 323 Bộ luật Hình sự.

[5] Đối với người có tài khoản Facebook mang tên “Bien so xe Vu” đã mua xe mô tô Honda Vision BKS: 29T2-162.xx của Nguyễn Xuân C, Cơ quan điều tra đã áp dụng các biện pháp điều tra, xác minh theo quy định. Kết quả không xác định được ai là người sử dụng tài khoản nêu trên. Vì vậy, không có cơ sở xem xét xử lý.

Đối với Nguyễn Văn L1, Phạm Thị L2 nhận hộ xe mô tô Honda Vision BKS: 29T2-162.xx cho Nguyễn Xuân C nhưng không biết tài sản do Nguyễn Tuấn A trộm cắp mà có, không biết việc C có hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Vì vậy HĐXX không xem xét xử lý.

Đối với Phạm Thùy P2 cho Nguyễn Xuân C sử dụng tài khoản ngân hàng để chuyển tiền mua xe mô tô Honda Vision BKS: 29T2-162.xx của Nguyễn Tuấn A. Tuy nhiên, P2 không biết nguồn gốc xe mô tô này là tài sản do Nguyễn Tuấn A trộm cắp mà có. Vì vậy HĐXX không xem xét xử lý.

Đối với Nguyễn Cao L khi làm chìa khóa xe không biết xe mô tô Honda Vision BKS: 29T2-162.xx là tài sản do Nguyễn Tuấn A trộm cắp mà có. Vì vậy HĐXX không xem xét xử lý.

Đối với 01 (một) xe máy nhãn hiệu Honda Vision; số máy: JK03E2600984; số khung: RLHJK0314NY596631; BKS: 29T2-162.xx; màu xanh nâu đen, đã qua sử dụng của bị hại Tăng Vũ Ngọc K là tang vật của vụ án.

Cơ quan điều tra đã tiến hành các biện pháp điều tra, xác minh tuy nhiên không xác định được xe mô tô trên hiện đang ở đâu nên chưa thu giữ được.

[6] Về biện pháp tư pháp: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; khoản 1 các Điều 584, 585, 586, 587 và 589 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo Nguyễn Tuấn A phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi phạm tội của mình gây ra cho bị hại Tăng Vũ Ngọc K; bồi hoàn cho ông Nguyễn Văn H số tiền đã bỏ ra để bồi thường thay cho bị cáo. Buộc bị cáo Nguyễn Xuân C phải bồi hoàn cho chị Phạm Thùy P2 số tiền dùng để mua xe mô tô Honda Vision BKS: 29T2-162.xx.

Trong giai đoạn điều tra, bị cáo Nguyễn Tuấn A đã bồi thường cho bị hại số tiền 25.000.000 đồng; bị cáo Nguyễn Xuân C đã tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền 7.000.000 đồng cùng với bị cáo Nguyễn Tuấn A để khắc phục hậu quả của vụ án và không yêu cầu ai phải hoàn trả lại số tiền trên. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bị hại không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm. Như vậy, việc bồi thường thiệt hại trong vụ án đã được thực hiện xong nên xét thấy cần ghi nhận.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn H không yêu cầu bị cáo Nguyễn Tuấn A phải hoàn trả số tiền 25.000.000 đồng; chị Phạm Thùy P2 không yêu cầu bị cáo Nguyễn Xuân C phải hoàn trả số tiền 13.700.000 đồng nên xét thấy cần ghi nhận.

Đối với số tiền 1.200.000 đồng bị cáo Nguyễn Xuân C được hưởng lợi từ việc bán xe mô tô Honda Vision BKS: 29T2-162.xx cho tài khoản facebook “Bien so xe Vu”, đây là tiền thu lời bất chính từ việc phạm tội mà có. Vì vậy, buộc bị cáo phải nộp số tiền trên để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước theo quy định điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự. Ngày 24/8/2023, bị cáo đã nộp số tiền 1.200.000 đồng tại Phòng Thi hành án/BTTM nên xét thấy cần ghi nhận.

[7] Về xử lý vật chứng: Trong giai đoạn điều tra, Cơ quan điều tra hình sự khu vực 1 Các tổ chức sự nghiệp/BQP đã thu giữ 01 (một) điện thoại Iphone XSMAX màu vàng, số IMEI: 357329091780157, số máy: MT762ZA/A, số sê - ri: C39XD7HBKPI5, số trên vỏ sim: 8401230212005305; 898402000; 11454820497, đã qua sử dụng do Nguyễn Xuân C giao nộp. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án xác định chị Phạm Thùy P2 (vợ bị cáo C) là chủ sở hữu của chiếc điện thoại trên, chị P2 có đơn xin nhận lại tài sản nên Tòa án quân sự khu vực Thủ đô Hà Nội đã ra quyết định xử lý vật chứng, trả lại tài sản trên cho chị T1 nên tại phiên tòa HĐXX không xem xét giải quyết lại nữa.

Đối với 01 (một) điện thoại Iphone 6s màu hồng, số IMEI: 353259071972447, số máy: MKQD2LL/A, số sê - ri: C7JQJ480GRY0 đã qua sử dụng của Nguyễn Tuấn A: Đây là phương tiện bị cáo dùng để liên lạc, thỏa thuận giá bán xe mô tô Honda Vision BKS: 29T2-162.xx với Nguyễn Xuân C là vật chứng của vụ án nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự.

Đối với 01 xác sim điện thoại số 08783970xx, số trên vỏ sim: 898408100; 08720008115 kèm theo điện thoại Iphone 6s nêu trên không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ

luật Hình sự và điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự.

[8] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 2 các Điều 135; 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; các bị cáo Nguyễn Tuấn A và Nguyễn Xuân C mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên, căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 260 Bộ luật Tố tụng hình sự,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình sự:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tuấn A phạm tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo Nguyễn Xuân C phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, s, r, i khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn A **09 (Chín)** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 12/4/2023.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân C **08 (Tám)** tháng tù, nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là **16 (Mười sáu)** tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (19/9/2023). Giao bị cáo Nguyễn Xuân C cho Ủy ban nhân dân phường M1, thành phố M2, tỉnh M giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo quy định tại khoản 5 điều 65 Bộ luật Hình sự.

2. Về biện pháp tư pháp:

Ghi nhận các bị cáo Nguyễn Tuấn A và Nguyễn Xuân C đã bồi thường, khắc phục hậu quả xong cho bị hại Tăng Vũ Ngọc K với tổng số tiền 32.000.000 (Ba mươi hai triệu) đồng.

Ghi nhận bị cáo Nguyễn Xuân C đã nộp số tiền thu lời bất chính trong vụ án là 1.200.000 (Một triệu hai trăm nghìn) đồng tại Phòng Thi hành án/BTTM (Theo Biên lai thu tiền số 0003526 ngày 24/8/2023) để đảm bảo thi hành án.

Ghi nhận ông Nguyễn Văn H không yêu cầu bị cáo Nguyễn Tuấn A phải bồi hoàn số tiền 25.000.000 (Hai mươi lăm triệu) đồng đã bỏ ra để bồi thường thay cho bị cáo.

Ghi nhận chị Phạm Thùy P2 không yêu cầu bị cáo Nguyễn Xuân C phải bồi hoàn số tiền 13.700.000 (Mười ba triệu bảy trăm nghìn) đồng.

3. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại Iphone 6s màu hồng, số IMEI: 353259071972447, số máy: MKQD2LL/A, số sê - ri: C7JQJ480GRY0 đã qua sử dụng;

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm c khoản 2 Điều

106 Bộ luật tố tụng Hình sự tịch thu, tiêu hủy 01 xác sim điện thoại số 08783970xx, số trên phôi sim: 898408100; 08720008115 kèm theo điện thoại Iphone 6s.

(Theo Biên bản giao nhận tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử ngày 12/4/2023 của Cơ quan điều tra hình sự khu vực X- Các tổ chức sự nghiệp/BQP).

4. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, các bị cáo Nguyễn Tuấn A và Nguyễn Xuân C mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

5. Quyền kháng cáo đối với bản án:

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (19/9/2023), các bị cáo, bị hại, đương sự có quyền kháng cáo bản án này lên Toà án quân sự Thủ đô Hà Nội./.

Nơi nhận:

- VKSQSTĐHN;
- VKSQSKVTĐHN;
- Cơ quan ĐTHS KV1 CTCSN/BQP;
- Cơ quan THAHS Thủ đô Hà Nội;
- Cơ quan THAHS, CA TP M2, t. M;
- UBND phường M1, TP M2, t. M;
- Phòng THA/BTTM;
- TAQSTW (02b);
- Phân trại tạm giam, T771, CĐTHS/BQP;
- Bị cáo (02);
- Bị hại;
- NCQL, NVLQĐVA (02);
- Lưu HS, THA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

4/ Nguyễn Thị Mai